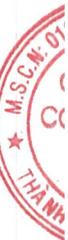




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Đầu tư số**

**Dự án Nhà máy sản xuất bia**

34121000019

1714445463

ngày 20 tháng 9 năm 2007

ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và cho thuê**

3412100023

ngày 10 tháng 3 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3412100023 vào ngày 28 tháng 07 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 46 năm 6 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

4300338460

ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koo Liang Kwee  
Bà Bùi Thị Nhự  
Ông Đinh Văn Thành  
Ông Trần Nguyên Trung  
Ông Văn Thảo Nguyên

Chủ tịch  
Thành viên điều hành  
Thành viên không điều hành  
Thành viên không điều hành  
Thành viên không điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân  
Ông Nguyễn Văn Hòa  
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Bùi Thị Nhự  
Ông Nguyễn Văn Hùng  
Ông Võ Thanh Cường

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

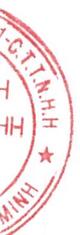
Báo cáo kiểm toán số: 24-04-00031-25-1



Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025





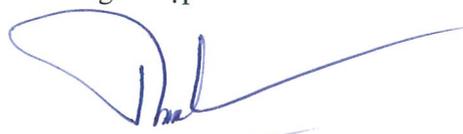
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>493.995.757.281</b>	<b>691.780.400.512</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>493.995.757.281</b>	<b>691.780.400.512</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	49.265.381.883	191.716.441.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.423.572	42.581.508
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	216.649.644.530	219.202.970.091
Phải trả người lao động	314		3.489.597.698	8.039.141.731
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	8.907.652.469	9.705.885.981
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	19.265.140.607	19.713.920.270
Vay ngắn hạn	320	15	189.000.000.000	236.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.390.916.522	6.859.459.423
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>836.937.421.564</b>	<b>834.563.437.852</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>836.937.421.564</b>	<b>834.563.437.852</b>
Vốn cổ phần	411	18	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		350.337.171.292	347.963.187.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		279.457.411.486	253.148.993.119
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm nay	421b		70.879.759.806	94.814.194.461
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.330.933.178.845</b>	<b>1.526.343.838.364</b>

Ngày 26 tháng 2 năm 2025

Người duyệt:  
  
 Bùi Thị Nhựt  
 Giám đốc

Người lập:  
  
 Võ Thanh Cường  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>1.993.616.248.934</b>	<b>1.863.202.186.861</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>470.629.988</b>	<b>363.208.580</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>1.993.145.618.946</b>	<b>1.862.838.978.281</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>1.845.555.959.411</b>	<b>1.703.815.646.687</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>147.589.659.535</b>	<b>159.023.331.594</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.943.356.928	19.990.777.575
Chi phí tài chính	22	25	6.976.527.571	28.614.399.165
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.619.997.448	20.294.283.087
Chi phí bán hàng	25	26	12.964.419.534	8.590.317.794
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	11.491.352.548	14.926.318.643
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>125.100.716.810</b>	<b>126.883.073.567</b>
Thu nhập khác	31		1.249.005.676	1.593.736.042
Chi phí khác	32		944.416.982	837.798.676
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>304.588.694</b>	<b>755.937.366</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>125.405.305.504</b>	<b>127.639.010.933</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>25.790.483.207</b>	<b>28.394.980.769</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>(415.505.909)</b>	<b>(1.470.164.297)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>100.030.328.206</b>	<b>100.714.194.461</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.075	2.085

Ngày 26 tháng 2 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>125.405.305.504</b>	<b>127.639.010.933</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	127.260.018.256	127.478.445.142
Các khoản dự phòng	03	1.927.359.366	67.253.620
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(95.583.822)	8.133.910.713
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.083.653.163)	(19.033.017.452)
Chi phí lãi vay	06	6.619.997.448	20.294.283.087
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>258.033.443.589</b>	<b>264.579.886.043</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(134.959.138.921)	(67.607.180.425)
Biến động hàng tồn kho	10	(22.723.504.226)	25.509.827.680
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(13.997.048.695)	81.859.312.953
Biến động chi phí trả trước	12	(2.266.462.437)	(11.044.431.204)
		<b>84.087.289.310</b>	<b>293.297.415.047</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.388.539.181)	(19.213.778.125)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.658.678.174)	(28.529.834.489)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.420.000	27.440.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.664.738.995)	(8.595.631.837)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.387.752.960</b>	<b>236.985.610.596</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(129.477.561.788)	(35.797.861.423)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(88.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	88.000.000.000	338.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.405.535.903	25.669.378.008
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(126.072.025.885)</b>	<b>327.971.516.585</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



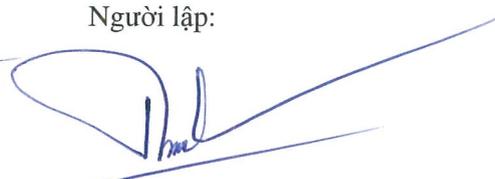
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1.376.500.000.000	1.738.600.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.424.000.000.000)	(1.977.610.565.869)
Tiền chi trả cổ tức	36		(91.303.628.000)	(66.581.523.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(138.803.628.000)</b>	<b>(305.592.088.869)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(228.487.900.925)</b>	<b>259.365.038.312</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>266.189.958.489</b>	<b>6.831.749.856</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền</b>	<b>61</b>		<b>8.557.600</b>	<b>(6.829.679)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>37.710.615.164</b>	<b>266.189.958.489</b>

Ngày 26 tháng 2 năm 2025

Người duyệt:  
  
**Bùi Thị Nhựt**  
*Giám đốc*

Người lập:  
  
**Võ Thanh Cường**  
*Kế toán trưởng*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

# Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2024: 206 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) **Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 44.998 triệu VND (1/1/2024: 169.879 triệu VND). Ngoài ra, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 16). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và duy trì sẵn các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 321.000 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

#### (d) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (e) **Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. **Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

384  
T  
HÀ  
I  
G  
NG  
NG  
Á  
N  
T  
G  
C

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

### (f) **Tài sản cố định vô hình**

#### **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

### (g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### (h) **Chi phí trả trước dài hạn**

#### (i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

#### (ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

### (i) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

430  
C  
C  
BI  
Q  
TINH

07  
11





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	55.837.045	8.887.459
Tiền gửi ngân hàng	37.654.778.119	29.481.071.030
Các khoản tương đương tiền		- 236.700.000.000
	<hr/>	
	37.710.615.164	266.189.958.489
	<hr/>	

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	211.947.177.947	75.668.838.210
International Consolidated Business Pty Ltd	11.119.820.747	11.120.582.256
Các khách hàng khác	1.957.383.164	2.917.114.405
	<hr/>	
	225.024.381.858	89.706.534.871
	<hr/>	

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	211.947.177.947	75.668.838.210
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	61.398.000	46.656.000
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

2024  
NH  
3 T  
PH  
Ổ H

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	88.427.355.761	-	78.395.809.465	-
Công cụ và dụng cụ	10.610.600.389	(348.765.526)	8.911.054.559	(386.969.747)
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	36.764.177.458	-	41.858.714.355	-
Thành phẩm	47.212.513.058	-	34.302.290.224	-
Hàng hóa	21.509.800	-	262.723.698	-
	<u>183.036.156.466</u>	<u>(348.765.526)</u>	<u>163.730.592.301</u>	<u>(386.969.747)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	386.969.747	400.842.737
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(38.204.221)	(13.872.990)
Số dư cuối năm	<u>348.765.526</u>	<u>386.969.747</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	17.238.557.706	(12.822.672.389)	13.820.617.645	(10.857.108.802)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.857.108.802	10.775.982.192
Dự phòng trích lập trong năm	2.616.026.167	1.124.916.874
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(650.462.580)	(1.043.790.264)
Số dư cuối năm	12.822.672.389	10.857.108.802

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	336.203.938.338	1.661.717.361.312	9.520.927.538	1.261.121.914	544.900.053	2.009.248.249.155
Tăng trong năm	-	154.950.000	-	-	-	154.950.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	395.284.869	2.173.000.000	-	-	-	2.568.284.869
Xóa số	-	-	-	(62.395.364)	-	(62.395.364)
Số dư cuối năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	141.041.058.519	992.154.184.679	8.738.088.967	934.468.875	452.106.939	1.143.319.907.979
Khấu hao trong năm	14.077.295.560	112.746.723.729	166.766.568	219.528.715	30.931.038	127.241.245.610
Xóa số	-	-	-	(62.395.364)	-	(62.395.364)
Số dư cuối năm	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	195.162.879.819	669.563.176.633	782.838.571	326.653.039	92.793.114	865.928.341.176
Số dư cuối năm	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 34.710 triệu VND (1/1/2024: 26.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	9.798.307.815	2.154.816.792
Tăng trong năm	3.137.729.313	16.039.335.366
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	4.067.764.440	3.435.341.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.568.284.869)	(6.472.056.076)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(5.359.129.295)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.435.516.699	9.798.307.815

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2023: 1.820 triệu VND).

Công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Dự án Nguyễn Thụy - nhà cửa, vật kiến trúc	14.435.516.699	9.798.307.815

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ</b> <b>và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí lãi vay</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	116.887.515.944	4.838.105.473	1.775.049.451	123.500.670.868
Tăng trong năm	-	3.441.927.866	-	3.441.927.866
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(4.067.764.440)	-	-	(4.067.764.440)
Phân bổ trong năm	-	(2.693.149.094)	(1.252.976.076)	(3.946.125.170)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải trả người bán****(i) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	34.567.698.610	36.161.791.739
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	1.241.012.172	7.428.548.416
Krones AG	-	127.941.523.200
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	-	6.289.547.950
Các nhà cung cấp khác	13.456.671.101	13.895.030.203
	<b>49.265.381.883</b>	<b>191.716.441.508</b>

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	34.567.698.610	36.161.791.739
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	6.166.936	23.787.917

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn lại trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	180.378.323.745	1.770.141.488.071	(1.764.211.440.670)	-	186.308.371.146
Thuế giá trị gia tăng	20.647.337.550	365.342.665.435	(213.395.216.139)	(150.062.956.122)	22.531.830.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.677.449.838	25.790.483.207	(35.658.678.174)	-	7.809.254.871
Thuế thu nhập cá nhân	499.626.446	2.663.758.443	(3.726.564.751)	563.179.862	-
Thuế nhập khẩu	-	38.572.933	(38.572.933)	-	-
Các loại thuế khác	232.512	61.390.830	(61.435.553)	-	187.789
	219.202.970.091	2.164.038.358.919	(2.017.091.908.220)	(149.499.776.260)	216.649.644.530





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong năm		31/12/2024
	1/1/2024	31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	236.500.000.000	1.376.500.000.000 (1.424.000.000.000)	189.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	3,6%	69.000.000.000	116.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	3,3%	120.000.000.000	120.000.000.000
			189.000.000.000	236.500.000.000

Các khoản vay không được đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.859.459.423	10.913.150.024
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	6.178.000.000	5.700.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	1.005.776.094	(1.185.498.764)
Tiền thu khác	12.420.000	27.440.000
Sử dụng trong năm	(6.664.738.995)	(8.595.631.837)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.390.916.522	6.859.459.423

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	319.463.494.355	806.063.744.627
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.714.194.461	100.714.194.461
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (Thuyết minh 16)	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022 (Thuyết minh 16)	-	-	1.185.498.764	1.185.498.764
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội 2023	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Có tức (Thuyết minh 19)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.030.328.206	100.030.328.206
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2024 (Thuyết minh 16)	-	-	(6.178.000.000)	(6.178.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (Thuyết minh 16)	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội 2024	-	-	(472.568.400)	(472.568.400)
Có tức (Thuyết minh 19)	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 112.500 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), trong đó tạm ứng cổ tức 45.000 triệu VND cho cổ đông năm 2022).

Tại Nghị Quyết số 08/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông là 22.500 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

### 20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Trên năm năm	62.096.812.471	65.514.471.623
	<hr/>	<hr/>
	79.138.418.901	82.556.078.053

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	119.436,77	3.015.897.879	171.882	4.138.882.078

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.790.000.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	395.555.555	1.160.129.238

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.977.957.725.353	1.848.860.257.006
▪ Bán phế liệu	15.658.523.581	14.341.929.855
	<hr/> 1.993.616.248.934	<hr/> 1.863.202.186.861
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	470.629.988	363.208.580
	<hr/> 1.993.145.618.946	<hr/> 1.862.838.978.281

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	1.843.628.600.045	1.703.748.393.067
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	1.927.359.366	67.253.620
	<hr/> 1.845.555.959.411	<hr/> 1.703.815.646.687

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	3.083.653.163	19.033.017.452
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.764.119.943	957.760.123
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	95.583.822	-
	<hr/>	<hr/>
	8.943.356.928	19.990.777.575

**25. Chi phí tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	6.619.997.448	20.294.283.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	356.530.123	186.205.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.133.910.713
	<hr/>	<hr/>
	6.976.527.571	28.614.399.165

**26. Chi phí bán hàng**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.829.507.448	5.284.624.924
Chi phí nhân viên	3.320.431.022	2.761.515.147
Chi phí bán hàng khác	814.481.064	544.177.723
	<hr/>	<hr/>
	12.964.419.534	8.590.317.794



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	6.861.947.954	9.498.547.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.502.282.593	934.765.880
Chi phí khấu hao và phân bổ	811.012.188	849.420.186
Chi phí quản lý khác	2.316.109.813	3.643.584.862
	<hr/> 11.491.352.548	<hr/> 14.926.318.643

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.674.093.799.367	1.503.595.534.487
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.260.018.256	127.478.445.142
Chi phí nhân viên	49.104.121.138	56.101.453.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.134.226.600	17.417.332.689
Chi phí khác	5.994.038.171	6.188.084.079

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	24.829.874.263	25.730.049.122
Dự phòng thiếu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
	<hr/> 25.790.483.207	<hr/> 28.394.980.769
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(415.505.909)	(1.470.164.297)
	<hr/> 25.374.977.298	<hr/> 26.924.816.472

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.405.305.504	127.639.010.933
Thuế theo thuế suất của Công ty	25.081.061.101	25.527.802.187
Chi phí không được khấu trừ thuế	261.162.196	202.246.935
Dự phòng thiếu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(1.470.164.297)
Điều chỉnh khác	(927.854.943)	-
	<u>25.374.977.298</u>	<u>26.924.816.472</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b. Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng và thu nhập khác.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	100.030.328.206	100.714.194.461
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.178.000.000)	(5.700.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(1.005.776.094)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	(472.568.400)	(200.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	93.379.759.806	93.808.418.367

(\*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(\*\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại thành 2.085 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 2.107 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	3.633.117.527.970	3.415.939.158.617
Mua nguyên vật liệu	1.429.183.361.460	1.269.015.103.288
Cổ tức	59.900.000.000	44.925.000.000
Hoàn trả tiền thuê đất	-	4.500.000.000
Hoàn trả tiền giải phóng mặt bằng	-	3.500.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức	2.333.334.000	1.750.000.500
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	737.720.470	809.595.250
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam</b>		
Bán hàng hóa	721.450.000	303.200.000
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	553.579.250	350.043.400
<b>Công ty TNHH MTV Tập Đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	262.750.480	347.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hoá	208.072.859	73.806.433
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hoá	149.564.000	192.046.000
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí thay thế vỏ chai	32.109.384	45.527.182
Thu nhập từ thanh lý bao bì luân chuyển	-	1.540.123.100

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	140.000.000	120.000.000
Bà Bùi Thị Nhự – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	98.000.000	84.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban	385.330.704	381.400.000
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	56.000.000	48.000.000
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	56.000.000	48.000.000
<b>Ban Điều hành</b>		
Lương, thưởng và thù lao	4.027.705.582	4.723.685.104

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2024 VND	2023 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	-	129.301.065.901

**33. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 30, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 26 tháng 2 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhự  
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

